**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN LỤC NGẠN**
**TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số:32/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08/6/2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Phan Văn Thể.
*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Giáp Văn Phẩm
Bà Nguyễn Thị Công Mừng

***Thư ký phiên toà***: Ông Vũ Hữu Thơ –Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

***Đại diện Viện kiểm sát***: Ông Nguyễn Khắc Tú - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn.

Ngày 08/6/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 253/2021/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 06/2022/QĐ-HPT ngày 11/5/2022 giữa:

*Nguyên đơn: Chị Đường Thị H, sinh năm 1988 (Có mặt)*

*Nơi đăng ký HKTT: Xóm 3, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam*

*Hiện cư trú: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.*

*Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 (Vắng mặt)*

*Nơi đăng ký HKTT: Xóm 3, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam*

*Hiện cư trú: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2021, bản tự khai chị Đường Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào ngày 24/4/2015, trước khi kết

hôn có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam. Cưới xong chị về làm dâu nhà anh Tngay, anh chị chung sống tại Xóm 3, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam, sau đó chuyển lên Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang làm ăn sinh sống. Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, hạnh phúc. Đến đầu tháng 4 năm 2021 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh T không đi làm ăn để phát triển kinh tế chung của gia đình. Do các con chung vẫn ở chung nhà với anh T, chị chưa có nhà riêng nên vẫn ở chung nhà với anh T nhưng đã lâu chị và anh Tkhông nói chuyện, không quan tâm nhau. Nay chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, chị Hđề nghị Tòa án giải quyết cho chị Hđược ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh Tcó 02 con chung là Nguyễn Thị Bảo Ch, sinh ngày 08/02/2016 và Nguyễn Tú T, sinh ngày 30/8/2018. Sau ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Bảo Ch, sinh ngày 08/02/2016; Để anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tú T, sinh ngày 30/8/2018, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Hvà anh Ttự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/3/2022, anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Đường Thị H kết hôn với nhau vào ngày ngày 24/4/2015, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam. Cưới xong chị Hvề làm dâu ngay nhà anh T, sau đó vợ chồng anh chuyển lên Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang làm ăn sinh sống. Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, hạnh phúc, được một thời gian hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2021 đến nay. Nay chị H khởi kiện ly hôn anh, anh hoàn toàn nhất trí ly hôn với chị H vì vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa.

Về con chung: Anh và chị Hcó 02 con chung là Nguyễn Thị Bảo Ch, sinh ngày 08/02/2016 và Nguyễn Tú T, sinh ngày 30/8/2018. Sau ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Bảo Ch, sinh ngày 08/02/2016 và Nguyễn Tú T, sinh ngày 30/8/2018. Anh yêu cầu chị Hcấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng /02 con/ 01 tháng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên sau đó anh Tthay đổi lời khai về việc nuôi con chung, Tại biên bản ghi khai ngày 07/3/2022, anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh T thay đổi lời khai của anh

trước đó, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Bảo Ch, sinh ngày 08/02/2016; Để chị Hnuôi dưỡng cháu Nguyễn Tú T, sinh ngày 30/8/2018.

Tại biên bản xác minh ngày 23/3/2022, ông Vi Văn H phó trưởng Công an xã Tcung cấp: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Xóm 3, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam, đăng ký tạm trú tại Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, thời gian gia hạn tạm trú đến ngày 14/8/2023, hiện tại chưa hết thời gian tạm trú. Trong quá trình sinh sống, anh Tchị Hthường xuyên sinh sống và cư trú tại Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang và có mua 01 căn nhà và 01 quán bánh mỳ tại thôn Hải Yên. Hiện tại anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại địa phương, đi đâu làm gì địa phương không nắm được.

Tại phiên toà chị Đường Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; Về con chung: Chị xác định chị và anh Tcó 02 con chung Nguyễn Thị Bảo Ch, sinh ngày 08/02/2016 và Nguyễn Tú T, sinh ngày 30/8/2018. Vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Tú T, sinh ngày 30/8/2018, để anh Tnuôi con chung Nguyễn Thị Bảo Ch, sinh ngày 08/02/2016, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh Tcó trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự: Thẩm phán, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ, tài liệu theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đường Thị H: Cho chị Đường Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn T nuôi con chung là Nguyễn Thị Bảo Ch, sinh ngày 08/02/2016; Giao cho chị Đường Thị H nuôi con chung là Nguyễn Tú T, sinh ngày 30/8/2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, vì đương sự không yêu cầu. Sau khi ly hôn anh T, chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T, chị Hthực hiện quyền này.

Về tài sản chung, công nợ chung không đặt ra xem xét vì vợ chồng anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị Đường Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng là tiền tạm ứng án phí mà chị Hđã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số 0010438 ngày 29 tháng 10 năm 2021.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đường Thị H khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Văn T. Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả xác minh thì anh Thiện cư trú tại Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án vắng mặt anh Ttheo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân: Chị Đường Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam được, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/4/2015. Do vậy xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của chị Đường Thị H vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh Tkhông đi làm ăn để phát triển kinh tế chung của gia đình. Anh Nguyễn Văn T cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 11/2021 đến nay. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Hvà anh Tmâu thuẫn là có thật, việc vợ chồng

bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung, không thể nhẫn nhịn lẫn nhau và đã ly than từ tháng 11/2011, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng giữa chị Hvà anh Tđã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đường Thị H, cho chị Đường Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Chị Đường Thị H và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Thị Bảo Ch, sinh ngày 08/02/2016 và Nguyễn Tú T, sinh ngày 30/8/2018. Do anh Tvà chị Hđã cùng thống nhất giao con chung là Nguyễn Thị Bảo Ch, sinh ngày 08/02/2016 cho anh Tnuôi dưỡng; Để chị Hnuôi dưỡng cháu Nguyễn Tú T, sinh ngày 30/8/2018. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung của vợ chồng là Nguyễn Thị Bảo Ch, sinh ngày 08/02/2016 cho anh Tnuôi dưỡng; Giao cho chị Hnuôi dưỡng cháu Nguyễn Tú T, sinh ngày 30/8/2018 là phù hợp với quy định của pháp luật tại điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình. Cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết vì đương sự không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Do chị Đường Thị H và anh Nguyễn Văn T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí : Chị Đường Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng là tiền tạm ứng án phí mà chị Hđã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

*Vì các lẽ trên*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đường Thị H : Cho chị Đường Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn T nuôi con chung là Nguyễn Thị Bảo Ch, sinh ngày 08/02/2016; Giao cho chị Đường Thị H nuôi con chung là Nguyễn Tú T, sinh ngày 30/8/2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, vì đương sự không yêu

cầu. Sau khi ly hôn anh T, chị Hcó quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T, chị Hthực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Đường Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng là tiền tạm ứng án phí mà chị Hđã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số 0010438 ngày 29 tháng 10 năm 2021.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Án xử công khai sơ thẩm./.

***Nơi nhận:***
-TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã C, huyện Lý Nhân;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Phan Văn Thể**